PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1621/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt "Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Tờ trình số 4636/Ttr-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2013 và Công văn số 7102/BCT-HC ngày 12 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030" với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển công nghiệp hóa chất một cách bền vững, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguyên liệu trong nước; đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài đối với các công trình có nhu cầu vốn lớn, đòi hỏi công nghệ cao mà trong nước chưa đáp ứng được; phát huy tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, từng địa phương;

c) Đầu tư phát triển công nghiệp hóa chất trên cơ sở sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, bảo đảm môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu chung

- Xây dựng ngành hóa chất có cơ cấu tương đối hoàn chỉnh, bao gồm sản xuất tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp khác; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu đối với các sản phẩm như phân bón, sản phẩm cao su, hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa chất tinh khiết, hóa dược, hóa chất tiêu dùng, v.v….

- Góp phần phân bố hợp lý lực lượng sản xuất theo ngành và theo vùng lãnh thổ, tạo nên sự phát triển cân đối, hợp lý trong ngành công nghiệp hóa chất; hình thành và phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp tập trung, các tổ hợp sản xuất hóa chất có quy mô lớn.

- Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp hóa chất đạt bình quân từ 14% đến 16% và tỷ trọng ngành công nghiệp hóa chất so với toàn ngành công nghiệp đạt đến 14% vào năm 2020 và đạt khoảng 15% vào năm 2030.

b) Mục tiêu cụ thể

- Nhóm sản phẩm phân bón: Đáp ứng về cơ bản nhu cầu về phân bón các loại cho sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và hướng tới xuất khẩu đối với một số loại phân bón trên cơ sở đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ các nhà máy sản xuất phân lân, phân NPK, phân hữu cơ và vi sinh hiện có, đầu tư thêm hoặc nâng công suất sản xuất phân diamoni photphat (DAP), phân kali, phân sunphat amon (SA).

- Nhóm sản phẩm hóa chất bảo vệ thực vật: Đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và tham gia xuất khẩu; áp dụng công nghệ tiên tiến, thay thế các hóa chất, dung môi hữu cơ độc hại, chú trọng sử dụng hoạt chất mới từ vi sinh vật và các hoạt chất được chiết tách từ thực vật, tạo ra những sản phẩm dễ sử dụng, có khả năng phân hủy và thân thiện với môi trường.

- Nhóm sản phẩm hóa dầu: Đầu tư xây dựng các tổ hợp công nghiệp hóa dầu gắn liền với các nhà máy lọc dầu trong nước nhằm đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất các loại nhựa polyethylen (PE), polypropylen (PP); polyvinyl chlorid (PVC), polystyren (PS), acrylbutadien styren (ABS),… các phụ gia, bán thành phẩm làm nguyên liệu phục vụ cho các ngành công nghiệp khác.

- Nhóm sản phẩm hóa dược: Đầu tư công nghệ hiện đại, từng bước đáp ứng nguồn nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp dược; xây dựng cơ sở sản xuất kháng sinh và các nguyên liệu sản xuất thuốc thiết yếu; phát triển sản xuất các nguyên liệu làm thuốc có thế mạnh, đặc biệt là các nguyên liệu thuốc từ dược liệu.

- Nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản: Đầu tư chiều sâu, cải tạo và xây mới các cơ sở sản xuất để đảm bảo cung cấp đủ các hóa chất cơ bản như: Axít sunfuric, axít phốtphoric, axít clohydric, axít nitric, xút,... cho các ngành công nghiệp và dân dụng.

- Nhóm sản phẩm nguồn điện hóa học: Đầu tư chiều sâu và mở rộng năng lực sản xuất để đáp ứng đủ nhu cầu trong nước và tham gia xuất khẩu đối với các loại pin và ắc quy thông dụng; tiếp tục đầu tư sản xuất các sản phẩm có yêu cầu công nghệ cao như các loại ắc quy kín khí, ắc quy Ni-MH, NaS và các loại pin sạc thế hệ mới như pin nhiên liệu rắn, pin Ni-MH, pin Ion-Li, v.v…

- Nhóm sản phẩm khí công nghiệp: Đáp ứng đủ nhu cầu trong nước về các loại khí công nghiệp thông thường; đầu tư sản xuất khí hiếm, giảm dần tỷ lệ nhập khẩu.

- Nhóm sản phẩm cao su: Đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất hiện có, cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm; tập trung đầu tư và mở rộng sản xuất các sản phẩm cao su kỹ thuật phục vụ các ngành công nghiệp và dân dụng.

- Nhóm sản phẩm chất tẩy rửa: Hiện đại hóa các dây chuyền công nghệ hiện có nhằm đáp ứng đủ nhu cầu về số lượng và chất lượng sản phẩm đối với thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Nhóm sản phẩm sơn - mực in: Tiếp tục đầu tư công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu các loại sơn thông dụng, sơn đặc chủng cho các ngành kinh tế - kỹ thuật và dân dụng; phát triển một số sản phẩm sơn mới, thân thiện môi trường.

3. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030

a) Quy hoạch phát triển nhóm sản phẩm phân bón

- Giai đoạn đến năm 2020:

Chuyển dần các cơ sở sản xuất phân supe lân đơn sang sản xuất supe lân giàu chứa khoảng 28% P_2O_5; sản xuất phân đa thành phần NPK có tổng hàm lượng chất dinh dưỡng khoảng 30 ÷ 40%; đầu tư sản xuất phân bón lá chứa các chất dinh dưỡng đa lượng, vi lượng, chất kích thích sinh trưởng; mở rộng sản xuất nhóm phân bón hữu cơ với tổng công suất khoảng 500.000 tấn/năm trên cơ sở những nguồn nguyên liệu có sẵn.

Tiếp tục đầu tư và cải tạo mở rộng nhà máy đạm Hà Bắc, nhà máy DAP số 2, nâng tổng công suất các nhà máy DAP lên 1.000.000 tấn/năm; nhà máy phân kali tại Lào công suất giai đoạn đầu là 320.000 tấn/năm, sau đó xem xét mở rộng, nâng công suất nhà máy trên lên 700.000 tấn/năm; các nhà máy phân bón NPK với tổng công suất từ 3,5 đến 4,0 triệu tấn/năm. Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ nâng tổng công suất các nhà máy phân lân nung chảy lên khoảng 1,0 ÷ 1,2 triệu tấn/năm.

Nguyên liệu quặng apatit sản xuất phân bón: Mở rộng, nâng công suất nhà máy tuyển quặng apatit loại III Bắc Nhạc Sơn lên 700.000 tấn/năm; xây mới nhà máy tuyển quặng apatit loại II công suất 800.000 tấn/năm.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Xem xét đầu tư sản xuất phân bón sunfat amon; duy trì và phát triển các nhà máy sản xuất phân bón có công nghệ tiên tiến, loại bỏ những cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ lạc hậu, chất lượng sản phẩm kém.

b) Quy hoạch phát triển nhóm hóa chất bảo vệ thực vật

- Giai đoạn đến năm 2020:

Phấn đấu đến năm 2020 có thể sản xuất, gia công các hóa chất bảo vệ thực vật đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng trong nước; nâng công suất sản xuất hoạt chất gốc cacbamat kỹ thuật lên 10.000 tấn/năm; đầu tư mới nhà máy sản xuất hoạt chất họ azole và dẫn xuất có công suất 1.000 tấn/năm (sản phẩm kỹ thuật); đầu tư hai nhà máy sản xuất hoạt chất nhóm pyrethroide, khoảng 4 ÷ 5 hoạt chất với tổng công suất khoảng 1.500 tấn/năm (sản phẩm kỹ thuật); đầu tư nhà máy sản xuất chất hoạt động bề mặt công suất 8.000 ÷ 10.000 tấn/năm cung cấp cho ngành hóa chất bảo vệ thực vật và các ngành công nghiệp khác.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Tiếp tục đầu tư chiều sâu, áp dụng công nghệ sản xuất, gia công tiên tiến; tạo ra những sản phẩm dễ sử dụng, thân thiện với môi trường, có khả năng phân hủy.

c) Quy hoạch phát triển nhóm sản phẩm hóa dầu

- Giai đoạn đến năm 2020:

Đầu tư xây dựng mới: Nhà máy sản xuất axit terephthalic (PTA) công suất 300.000 tấn/năm; nhà máy sản xuất nhựa polystyren (PS) công suất 60.000 tấn/năm; các nhà máy: Xơ sợi tổng hợp polyeste công suất 270.000 tấn/năm và nhà máy nhựa polypropylen (PP) công suất 300.000 tấn/năm; nhà máy mono etylen glycol (MEG) công suất 200.000 tấn/năm; nhà máy nhựa polyvinylclorua (PVC) công suất 300.000 tấn/năm; nhà máy sản xuất methanol công suất 300.000 tấn/năm và các sản phẩm từ methanol; mở rộng nhà máy sản xuất chất hóa dẻo lên công suất 75.000 tấn/năm.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Nghiên cứu xây dựng Tổ hợp hóa chất đi từ nguồn nguyên liệu là than (sản phẩm PP, butadien,..).

Đầu tư xây dựng các nhà máy: Sản xuất PS công suất 100.000 tấn/năm; acrylonitrile butadiene styrene (ABS) công suất 100.000 tấn/năm và xơ sợi tổng hợp PET công suất 300.000 tấn/năm.

d) Quy hoạch phát triển nhóm sản phẩm hóa dược

- Giai đoạn đến năm 2020:

Đầu tư công nghệ hiện đại, đổi mới trang thiết bị và quản lý nhằm đáp ứng về cơ bản nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp dược; đầu tư xây dựng mới

nhà máy chiết xuất hóa dược có nguồn gốc thiên nhiên và bán tổng hợp công suất 150 ÷ 200 tấn/năm, nhà máy sản xuất hóa dược vô cơ và tá dược thông thường công suất 200 ÷ 400 tấn/năm, nhà máy sản xuất kháng sinh nhóm cephalosporin thế hệ 1 tổng công suất 600 tấn/năm, nhà máy sản xuất kháng sinh nhóm cephalosporin thế hệ 2, 3 và 4 công suất 150 tấn/năm; nhà máy sản xuất tá dược cao cấp công suất 150 - 200 tấn/năm; nhà máy sản xuất một số thuốc thiết yếu khác công suất 1.000 tấn/năm (gồm các sản phẩm như: Thuốc giảm sốt, giảm đau chống viêm, thuốc kháng khuẩn), nhà máy sản xuất sorbitol công suất 30.000 tấn/năm nhằm đáp ứng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất Vitamin C với công suất 1.000 tấn/năm.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Đầu tư chiều sâu nâng cao chất lượng sản phẩm và nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới.

đ) Quy hoạch phát triển nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản

- Giai đoạn đến năm 2020:

Ngoài các dự án chuyển tiếp sản xuất xút, axít sunfuric thương phẩm của các cơ sở sản xuất trong nước và các nhà máy axit tích hợp trong các nhà máy phân bón hiện có, đầu tư xây dựng 02 nhà máy sản xuất nitrat amon công suất 200.000 tấn/năm phục vụ cho vật liệu nổ công nghiệp trên cơ sở cân đối nguồn khí, nhà máy sản xuất amoniac công suất 450.000 tấn/năm và 200.000 tấn/năm nitrat amon tại miền Nam và 02 nhà máy amoniac với tổng công suất 500.000 tấn/năm tại miền Bắc; đầu tư sản xuất axít phốtphoric trích ly với tổng công suất 350.000 tấn/năm; đầu tư mới các dây chuyền sản xuất xút-clo với tổng công suất khoảng 900.000 tấn/năm.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Tiếp tục duy trì sản xuất để cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu trong nước đối với một số hóa chất cơ bản.

e) Quy hoạch phát triển nhóm sản phẩm nguồn điện hóa học

- Giai đoạn đến năm 2020:

Đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng ắc quy lên 3,0 ÷ 4,2 triệu kWh, sản lượng pin lên 700 triệu viên/năm; đầu tư sản xuất một số loại ắc quy, pin chuyên dụng cao cấp như: Ắc quy kín khí và ắc quy cố định công suất đạt 2,0 triệu kWh, pin nhiên liệu rắn công suất 200.000 sản phẩm/năm, pin niken hydro kim loại hoặc pin Ion-Li công suất 1,5 ÷ 2,0 triệu sản phẩm/năm; đầu tư sản xuất một số nguyên liệu cơ bản cho nhóm sản phẩm pin và ắc quy trong nước.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu của thị trường về nguồn năng lượng sạch, như các loại pin Ion-Li, ắc quy cho ôtô điện và lai điện.

g) Quy hoạch phát triển nhóm sản phẩm khí công nghiệp

- Giai đoạn đến năm 2020:

Đầu tư mở rộng, nâng công suất các cơ sở sản xuất khí công nghiệp hiện có lên 8.000m^3/h; đầu tư các nhà máy sản xuất oxy, nitơ, argon lỏng với tổng công suất khoảng 12.000m^3/h.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Đầu tư dây chuyền sản xuất CO_2 rắn, lỏng công suất 7.000 tấn/năm.

h) Quy hoạch phát triển nhóm sản phẩm cao su

- Giai đoạn đến năm 2020:

Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, mở rộng các cơ sở sản xuất hiện có lên 15 triệu lốp ô tô các loại/năm; đầu tư mở rộng sản xuất cao su kỹ thuật tại các nhà máy hiện có và xây dựng mới các nhà máy sản xuất: Băng tải 700.000 m^2/năm và dây cua roa bố thép, sợi thép 1,0 triệu m/năm; các sản phẩm găng tay, ống dẫn v.v… với tổng công suất khoảng 10.000 tấn/năm.

Nguyên liệu sản xuất các sản phẩm cao su: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất than đen công suất 115.000 tấn/năm.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Duy trì sản xuất và đầu tư xây dựng nhà máy sản suất băng tải 1,0 triệu m^2/năm và dây cua roa 2,0 triệu m/năm với công nghệ hiện đại.

i) Quy hoạch phát triển nhóm sản phẩm chất tẩy rửa

- Giai đoạn đến năm 2020:

Đầu tư mở rộng, xây mới các cơ sở sản xuất nguyên liệu và chất tẩy rửa để đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng trong nước; đầu tư nhà máy sản xuất LAS công suất 24.000 tấn/năm; nhà máy sản xuất LAB công suất 100.000 tấn/năm để cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất LAS; nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm cao cấp 10.000 tấn/năm.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Đầu tư mới các nhà máy sản xuất Zeolit công suất 50.000 tấn/năm, sản xuất LAS công suất 48.000 tấn/năm, sản xuất hóa mỹ phẩm 20.000 tấn/năm.

k) Quy hoạch phát triển nhóm sản phẩm sơn và mực in

- Giai đoạn đến năm 2020:

Tập trung đầu tư mở rộng, hiện đại hóa các cơ sở sơn - mực in hiện có, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, loại bỏ dần các cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ lạc hậu; đầu tư mới các sản phẩm sơn đặc chủng và các chủng loại sơn thân thiện môi trường; các nhà máy sản xuất sơn tĩnh điện, sơn chống hà và sơn bảo vệ.

Mở rộng, nâng công suất các nhà máy sản xuất nguyên liệu (nhựa alkyd, nhựa acrylic…) cho ngành sơn - mực in.

- Giai đoạn đến năm 2030:

Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và xây dựng mới các nhà máy sản xuất sơn - mực in chất lượng cao.

4. Các dự án đầu tư chủ yếu của ngành công nghiệp hóa chất

Danh mục các dự án đầu tư trong Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030 thể hiện tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

5. Nhu cầu vốn đầu tư

a) Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020 ước tính khoảng 15.118 triệu USD. Trong đó: Giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 9.335 triệu USD; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 5.783 triệu USD.

b) Dự kiến các nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn trong nước:

+ Nguồn vốn vay trong nước.

+ Nguồn vốn liên doanh, liên kết.

+ Nguồn vốn tích lũy của doanh nghiệp.

- Nguồn vốn nước ngoài:

+ Vốn vay ưu đãi.

+ Nguồn vốn FDI.

6. Các giải pháp và cơ chế chính sách thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp về tài chính, tín dụng

- Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển ngành công nghiệp hóa chất.

- Nguồn vốn liên doanh, liên kết và nguồn vốn đầu tư nước ngoài được tập trung cho việc xây dựng các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, chế biến sâu nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước.

- Vốn Nhà nước được đầu tư tập trung cho những công trình trọng điểm, không đầu tư dàn trải; ưu tiên nhóm sản phẩm có liên quan đến an ninh lương thực, hóa dầu, hóa dược.

- Ưu tiên cho các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn để đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất; ưu đãi về cơ chế vay vốn đối với các dự án đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và xây mới có sử dụng công nghệ hiện đại.

b) Giải pháp về thuế

- Ưu đãi thuế nhập khẩu đối với những loại nguyên liệu, máy móc trong nước chưa sản xuất được, nhập khẩu để phục vụ sản xuất; tăng thuế nhập khẩu đối với các loại thành phẩm và sản phẩm mà trong nước đã sản xuất được trên cơ sở các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO.

- Ưu đãi về thuế đối với các sản phẩm hóa chất sản xuất trong nước phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực và thúc đẩy xuất khẩu lương thực.

- Ưu đãi về thuế và phí đối với các Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

c) Giải pháp về thị trường

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm hạn chế việc nhập khẩu các sản phẩm hóa chất trong nước đã sản xuất được, các sản phẩm kém chất lượng, gây ô nhiễm môi trường, trên cơ sở phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam khi tham gia WTO cũng như các cam kết quốc tế khác; tăng cường chống hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu.

- Đầu tư xây dựng, nâng cao năng lực của các cơ quan nghiên cứu thị trường hóa chất để có thể dự báo thị trường một cách chính xác và kịp thời; phát triển và sử dụng hiệu quả các phương tiện thông tin, công khai các chương trình xúc tiến thương mại hàng năm và các chương trình khác nhằm hỗ trợ doanh nghiệp có định hướng sản xuất phù hợp.

- Khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm tới các địa bàn nông thôn, vùng sâu vùng xa.

d) Giải pháp phát triển và đảm bảo nguồn nhân lực

- Đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ tại các Viện nghiên cứu chuyên ngành, các bộ phận phụ trách kỹ thuật, công nghệ, quản lý của các doanh nghiệp hoạt động hóa chất.

- Tăng cường công tác đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề để đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, công nhân kỹ thuật chuyên ngành hóa chất; đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, gắn chặt với nhu cầu các doanh nghiệp; chú trọng vấn đề chuyển giao và kế thừa kinh nghiệm trong việc sử dụng nguồn nhân lực cho các dự án hóa chất.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc đào tạo nhân lực quản lý vận hành dự án.

đ) Giải pháp phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

- Tăng cường nâng cao năng lực của các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành và các phòng kỹ thuật công nghệ của các công ty để có đủ khả năng tiếp cận và tổ chức nghiên cứu triển khai các công nghệ mới.

- Xây dựng cơ chế thích hợp nhằm phát huy hiệu quả của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực hóa chất, hỗ trợ công tác nghiên cứu triển khai áp dụng các công nghệ hiện đại.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại đối với các dự án đầu tư mới.

- Tổ chức thực hiện tốt Luật chuyển giao công nghệ, nâng cao chất lượng công tác thẩm định công nghệ, đảm bảo quyền lợi của bên bán công nghệ và các doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ.

e) Giải pháp bảo vệ môi trường

- Các nhà máy đang hoạt động, các dự án đầu tư mới phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và an toàn hóa chất; đóng cửa các cơ sở sản xuất hóa chất sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

- Hạn chế tối đa việc hình thành các cơ sở sản xuất, chế biến hóa chất quy mô nhỏ. Ưu tiên phát triển các dự án hóa chất áp dụng các công nghệ mới, ít chất thải và thân thiện môi trường, các giải pháp tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả sử dụng nguyên liệu và tái sử dụng tối đa các loại chất thải phát sinh trong quy trình sản xuất, chế biến các sản phẩm hóa chất.

- Có kế hoạch di dời, tập trung các nhà máy sản xuất hóa chất vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm quản lý tập trung giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu thị trường và đánh giá sức chịu tải của môi trường ở những nơi quy hoạch các dự án hóa chất để điều chỉnh quy mô sản xuất.

g) Giải pháp về đầu tư

- Xây dựng cơ chế chính sách đầu tư theo hướng Nhà nước quản lý và kiểm soát Quy hoạch; phân cấp, ủy quyền tối đa cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư; khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư, phát triển các dự án hóa chất; không triển khai các dự án đầu tư không nằm trong quy hoạch khi chưa có sự đồng ý của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Huy động mọi nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, từ nhiều thành phần kinh tế, ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại các vùng được quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất.

- Ưu đãi vốn vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng dự án sản xuất hóa chất và hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý dự án cho doanh nghiệp.

h) Giải pháp đảm bảo nguồn nguyên liệu

- Giải pháp cung cấp than và khí thiên nhiên: Lượng than và khí thiên nhiên cho sản xuất phân đạm sẽ do Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cung cấp, mặt khác phải chủ động tìm phương án nhập khẩu.

- Giải pháp đảm bảo nguồn nguyên liệu apatit: Tập đoàn Hóa chất Việt Nam phối hợp với các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm cung cấp đủ nhu cầu quặng Apatit cho sản xuất phân supe lân, phân lân nung chảy và phân DAP.

- Các nguyên liệu khác cho ngành công nghiệp hóa chất: Có kế hoạch cụ thể để sản xuất, nhập khẩu nhằm đáp ứng kịp thời, tránh tình trạng dự án, nhà máy phải tạm dừng hoạt động do thiếu nguyên liệu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và theo dõi thực hiện Quy hoạch, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế của đất nước, trình Thủ tướng Chính phủ những nội dung cần cập nhật, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án đầu tư theo Quy hoạch.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Quốc phòng, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương cụ thể hóa các giải pháp và cơ chế chính sách nêu trong Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tạo điều kiện thuận lợi để các dự án đầu tư phát triển ngành công nghiệp hóa chất được thực hiện đồng bộ và phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Các tổ chức Hội, Hiệp hội và các tổ chức liên quan: Thực hiện tốt vai trò liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hóa chất, phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan trong việc quản lý sản xuất, kinh doanh hóa chất, tham gia đề xuất các cơ chế chính sách phát triển ngành hóa chất Việt Nam.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020, CÓ TÍNH ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thông tin đầu tư		
			Công suất (1.000 T/N)	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Thời điểm đầu tư
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015					
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm phân bón					
1	Mở rộng nhà máy Đạm Hà Bắc	Bắc Giang	500	567	2010 - 2014
2	Nhà máy Đạm Công Thanh	Thanh Hóa	560	800	2010 - 2016
3	Nhà máy DAP số 2	Lào Cai	330	256	2008 - 2014
4	Nhà máy phân lân nung chảy Lào Cai	Lào Cai	200	10	2010 - 2015
5	Nhà máy phân lân nung chảy Tiến Nông	Thanh Hóa	100 (lân nung chảy) 100 (NPK)	12	2010 - 2015
6	Nhà máy phân bón Kali	CHDCND Lào	320	523	2013 - 2017
7	Mở rộng/nâng công suất các nhà máy DAP lên 1 triệu tấn/năm	Miền Bắc	1.000	100	2014 - 2017
8	Mở rộng nhà máy tuyển Bắc Nhạc Sơn	Miền Bắc	700	27	2014 - 2016
9	Di rời và mở rộng nhà máy phân lân nung chảy Văn Điển	Miền Bắc	300 (lân nung chảy) 100 (NPK)	30	2013 - 2015
10	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón NPK	Miền Nam	GĐ1-150 GĐ2-250	10	2014 - 2016
11	Dự án xây dựng dây chuyền sản xuất phân bón NPK 1 hạt (tại cơ sở hiện có)	Miền Bắc	500	1,5	2014 - 2015
12	Nhà máy tuyển apatit loại II	Lào Cai	800	50	2014 - 2016

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thông tin đầu tư		
			Công suất (1.000 T/N)	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Thời điểm đầu tư
13	Mở rộng nhà máy super phốt phat Lào Cai (giai đoạn 2)	Lào Cai	200	9,5	2014 - 2016
14	Nhà máy sản xuất phân bón NPK sử dụng amoniac từ Dự án nâng công suất Xưởng amoniac Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Bà Rịa - Vũng Tàu	250	53	2014 - 2016
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm hóa chất bảo vệ thực vật					
1	Đổi mới công nghệ ở các cơ sở sản xuất gia công hiện có; tự động hóa	Các cơ sở hiện có	15	50	2014 - 2016
2	Đầu tư nâng cấp 2 nhà máy sản xuất hoạt chất hiện có	Miền Nam	10	2	2014 - 2017
			20	10	
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm hóa dầu					
1	Tổ hợp hóa dầu miền Nam	Long Sơn, Bà Rịa - Vũng Tàu	800 PE 450 PP 400VCM 96 EDC 80,5 Butadien	4.500	2011 - 2018
2	Xưởng sản xuất UFC85/ Formaldehyde	Miền Nam	15 UFC 85 hoặc 25 Formalin	24	2013 - 2015
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm hóa dược					
1	Nhà máy chiết xuất dược liệu và bán tổng hợp	Miền Bắc hoặc miền Trung	0,15 - 0,2	20	2011 - 2015
2	Nhà máy sản xuất hóa dược vô cơ và tá dược thông thường	Miền Bắc	0,2 - 0,4	5	2013 - 2015
3	Nhà máy sản xuất kháng sinh Cephalosporin thế hệ 1 (giai đoạn 1)	*	0,2	5,6	2014 - 2016
4	Nhà máy sản xuất kháng sinh Cephalosporin thế hệ 2, 3, 4	*	0,15	28	2014 - 2016

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thông tin đầu tư		
			Công suất (1.000 T/N)	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Thời điểm đầu tư
5	Nhà máy sản xuất Sorbitol	Miền Nam	30	25	2013 - 2016
6	Nhà máy sản xuất hóa dược	Miền Bắc	0,3 - 1,0	20	2013 - 2015
7	Nhà máy sản xuất tá dược cao cấp	Miền Trung hoặc miền Nam	0,15 - 0,2	10	2013 - 2015
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản					
1	Nhà máy axít Sunfuric	Lâm Thao	400	64	2013 - 2016
2	Nhà máy Sô đa Chu Lai	Miền Trung	200	115	2009 - 2013
3	Đồng bộ nâng công suất sản xuất xút từ 20.000 tấn/năm lên 40.000 tấn/năm	Việt Trì, Phú Thọ	40	18	2014 - 2015
4	Nhà máy Nitrat amon	Thái Bình	200	271	2011 - 2015
5	Nhà máy sản xuất NH_3 (Giai đoạn 1)	Miền Bắc	150	122	2014 - 2017
6	Nhà máy sản xuất axít Phốtphoric	Lào Cai	100	68	2011 - 2014
7	Nhà máy sản xuất axít Phốtphoric	Lào Cai	250	250	2014 - 2016
8	Nhà máy sản xuất phốt pho vàng	Lào Cai	20	15	2014 - 2016
9	Tổ hợp CA/EDC/VCM Long Sơn - dây chuyền NaOH xút	Miền Nam	80	(Đã tính trong tổng vốn đầu tư Tổ hợp hóa dầu miền Nam)	2011 - 2018
10	Nhà máy sản xuất NH_3	Miền Bắc	200	180	2014 - 2017
11	Nhà máy sản xuất Hydro peroxit (H_2O_2)	Miền Nam	30	21	2013 - 2015
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm nguồn điện hóa học					
1	Mở rộng các cơ sở sản xuất	Các cơ sở hiện có	3,0 triệu kWh 500 - 580 triệu viên	45	2011 - 2015

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thông tin đầu tư		
			Công suất (1.000 T/N)	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Thời điểm đầu tư
2	Nhà máy sản xuất nguyên liệu: Chì hoàn nguyên, kẽm bột, MnO_2 điện giải	Miền Nam	*	20	2013 - 2016
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm khí công nghiệp					
1	Mở rộng các nhà máy hiện có	Các cơ sở hiện có	8.000 m^3/h	24	2011 - 2015
2	Nhà máy sản xuất nitơ lỏng	Miền Bắc	3.200 m^3/h	13	2013 - 2016
3	Nhà máy sản xuất nitơ lỏng	Miền Nam	4.500 m^3/h	18	2013 - 2016
4	Nhà máy sản xuất khí Hydrô	Miền Nam	500 m^3/h	10	2013 - 2016
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm cao su					
1	Nhà máy sản xuất lốp xe tải radial	Miền trung	600.000 lốp/năm	170	2009 - 2015
2	Nhà máy sản xuất than đen	Bà Rịa - Vũng Tàu	115.000 tấn/năm	84	2014 - 2016
3	Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất lốp xe máy không săm, săm ô tô, xe máy bằng cao su butyl	Các cơ sở hiện có	*	8	2011 - 2015
4	Đầu tư đổi mới, thiết bị, công nghệ sản xuất băng tải, bố thép, dây cua roa sợi thép	Miền Nam	200.000 m^2/năm	10	2011 - 2015
5	Nhà máy sản xuất lõi thép tanh, sợi bố thép	Miền Trung hoặc miền Bắc	*	6,5	2012 - 2015
6	Nhà máy sản xuất lốp Radial Bridgestone	Miền Bắc	24.700 lốp/ngày	575	2012 - 2014
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm tẩy rửa					
1	Mở rộng các cơ sở sản xuất hiện có theo nhu cầu	Các cơ sở hiện có	Theo nhu cầu	2,5	2011 - 2015
2	Nhà máy sản xuất LAS	Hải Phòng	24	11	2011 - 2013
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm sơn và mực in					
1	Mở rộng các cơ sở hiện có	Các cơ sở hiện có	Theo nhu cầu	26	2011 - 2015

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thông tin đầu tư		
			Công suất (1.000 T/N)	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Thời điểm đầu tư
2	Nhà máy sản xuất sơn cao cấp	Miền Bắc	2	5	2011 - 2015
3	Nhà máy sản xuất sơn tĩnh điện cao cấp	Miền Trung	3	8	2011 - 2015
4	Nhà máy sản xuất nhựa Alkyd, Acrylic	Miền Trung	50	26	2011 - 2015
Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 (đã làm tròn)			**Tổng**	**9.334,6 9.335,0**	**Triệu USD**
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020					
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm phân bón					
1	Nhà máy sunfat amon	Miền Nam	400	26	2016 - 2018
2	Nhà máy phân kali (mở rộng)	CHDCND Lào	700	622	2016 - 2018
3	Nhà máy phân bón NPK	Miền Bắc	500	15	2016 - 2018
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm hóa chất bảo vệ thực vật					
1	Nhà máy sản xuất các chế phẩm vi sinh	Miền Nam	0,5	20	2016 - 2020
2	Nhà máy sản xuất chất hoạt động bề mặt	Miền Trung	10	20	2016 - 2020
3	Nhà máy sản xuất hoạt chất trừ sâu, côn trùng họ Pyrethroide	Miền Nam	1,5	30	2016 - 2020
4	Nhà máy sản xuất hoạt chất trừ nấm bệnh họ Azole	Miền Nam	1	40	2016 - 2018
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm hóa dầu					
1	Nhà máy nhựa PVC	Miền Nam	300	200	2016 - 2020
2	Nhà máy sản xuất MEG	Miền Nam	200	240	2016 - 2020
3	Nhà máy sản xuất xơi sợi PET	Miền Bắc	270	300	2016 - 2020
4	Nhà máy sản xuất PP	Miền Bắc	300	200	2016 - 2020
5	Nhà máy sản xuất Methanol và các sản phẩm từ methanol: Formalin: Keo dán từ Formaldehyde:	Miền Nam	300 200 100	360	2016 - 2020

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thông tin đầu tư		
			Công suất (1.000 T/N)	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Thời điểm đầu tư
6	Mở rộng nhà máy sản xuất chất hóa dẻo	Miền Nam	75	20	2016 - 2020
7	Nhà máy sản xuất PTA	Miền Bắc	300	350	2016 - 2020
8	Nhà máy sản xuất PS	Miền Bắc	60	70	2016 - 2020
9	Nhà máy sản xuất Melamine	Miền Nam	30	140	2016 - 2020
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm hóa dược					
1	Nhà máy sản xuất kháng sinh Cephalosporin thế hệ 1 (giai đoạn 2)	*	0,4	12,4	2016 - 2020
2	Nhà máy sản xuất thuốc thiết yếu khác	*	1	70	2016 - 2020
3	Nhà máy sản xuất Vitamin C	*	1	20	2016 - 2020
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm hóa chất cơ bản					
1	Đầu tư các dây chuyền xút-clo	Miền Trung hoặc miền Nam	500	646	2016 - 2018
2	Mở rộng, nâng công suất nhà máy sản xuất NH_3	Miền Bắc	300	103	2016 - 2019
3	Tổ hợp CA/EDC/VCM - dây chuyền NaOH xút	Miền Trung	280	52	2017 - 2019
4	Nhà máy sản xuất Hydro peroxit (H_2O_2)	Miền Bắc	50	30	2017 - 2019
5	Tổ hợp sản xuất Amoniac - Nitrat Amon	Miền Nam hoặc miền Trung	Tổ hợp 200 NH_4NO_3 450 NH_3	895	2016 - 2018
6	Nhà máy sản xuất Natri nitrat ($NaNO_3$)	Thái Bình	50	33	2016 - 2019
7	Nhà máy sản xuất Canxi cacbua (CaC_2)	Miền Trung	450	293	2016 - 2019
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm nguồn điện hóa học					
1	Mở rộng các cơ sở sản xuất	Các cơ sở hiện có	4,2 triệu kWh 600 - 700 triệu viên	45	2016 - 2020

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thông tin đầu tư		
			Công suất (1.000 T/N)	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Thời điểm đầu tư
2	Nhà máy sản xuất pin NiMH hoặc pin Ion-Li	Miền Bắc hoặc miền Nam	2,0 triệu sản phẩm/năm	11	2016 - 2020
3	Nhà máy sản xuất ắc quy kiềm	Miền Bắc hoặc miền Nam	500.000 kWh	11	2016 - 2020
4	Nhà máy sản xuất pin nhiên liệu rắn	Miền Bắc	200.000 sản phẩm/năm	12	2016 - 2020
5	Nhà máy tái chế ắc quy	Miền Bắc hoặc miền Nam	*	15	2016 - 2020
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm khí công nghiệp					
1	Nhà máy sản xuất oxy, nitơ lỏng	Miền Bắc	1.500 - 2.000 m^3/h	8	2016 - 2018
2	Nhà máy sản xuất oxy lỏng và nitơ lỏng	Miền Trung	1.500 - 2.000 m^3/h	8	2016 - 2018
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm cao su					
1	Đầu tư mở rộng nâng công suất nhà máy sản xuất lốp xe tải radial	Miền Trung	1,2 - 1,8 triệu lốp/năm	105	2016 - 2018
2	Nhà máy sản xuất lốp xe tải radial	Miền Bắc	2,4 - 3,0 triệu lốp/năm	310	2016 - 2020
3	Nhà máy sản xuất băng tải và dây cua roa bố thép và sợi thép	Miền Bắc	500.000 m^2 băng tải, 1,0 triệu m cua roa/năm	52	2016 - 2020
4	Nhà máy sản xuất găng tay, ống dẫn cao su y tế, thực phẩm, đệm mút từ latex...	Miền Nam	10.000 tấn sản phẩm/ năm	21	2016 - 2020
5	Nhà máy sản xuất lốp xe tải radial	Miền Nam	1,0 triệu lốp/năm	170	2016 - 2020
6	Nhà máy sản xuất cao su kỹ thuật	*	1,0 triệu sản phẩm/năm	70	2016 - 2020

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thông tin đầu tư		
			Công suất (1.000 T/N)	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Thời điểm đầu tư
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm tẩy rửa					
1	Đầu tư cơ sở sản xuất hóa mỹ phẩm cao cấp	Miền Bắc	10	1,5	2016 - 2020
2	Nhà máy sản xuất LAB	Miền Trung hoặc miền Nam	100	110	2016 - 2020
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm sơn và mực in					
1	Mở rộng các cơ sở hiện có	Các cơ sở hiện có	Theo nhu cầu	26	2016 - 2020
Tổng Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 (đã làm tròn)				**5.782,9 5.783,0**	**Triệu USD**
CÁC DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 (DỰ KIẾN)					
TT	**Tên dự án**	**Địa điểm**	**Thông tin đầu tư**		
			Công suất (1.000 T/N)	**Vốn đầu tư (Triệu USD)**	**Thời điểm đầu tư**
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm phân bón					
1	Nhà máy sunfat amon	Miền Bắc	600	*	2021 - 2025
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm hóa dầu					
1	Tổ hợp hóa chất đi từ than với các sản phẩm: Polypropylene, Butadien,...	Miền Bắc/ Miền Trung	*	*	2021 - 2025
2	Nhà máy sản xuất xơ sợi PET	Miền Trung	300	*	2021 - 2025
3	Nhà máy sản xuất PS, ABS	*	100 PS 100 ABS	*	2021 - 2025
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm nguồn điện hóa học					
1	Dự án sản xuất sản xuất pin Ion - Li	Miền Bắc hoặc miền Nam	5,0 triệu sản phẩm/năm	*	2021 - 2025
2	Dự án đầu tư sản xuất ắc quy cho ô tô điện và lai điện	Miền Bắc hoặc miền Nam	1,0 triệu kWh	*	2021 - 2025

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thông tin đầu tư		
			Công suất (1.000 T/N)	Vốn đầu tư (Triệu USD)	Thời điểm đầu tư
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm khí công nghiệp					
1	Dây chuyền sản xuất CO_2 rắn, lỏng	Miền Trung	7	*	2021 - 2025
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm cao su					
1	Nhà máy sản xuất lốp radial (phương án)	Miền Nam	12 - 15 triệu lốp/năm	*	2021 - 2025
2	Nhà máy sản xuất băng tải và dây curoa bố thép và sợi thép	Miền Nam	1,0 triệu m^2 băng tải/năm; 2,0 triệu m cua roa/năm	*	2021 - 2025
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm tẩy rửa					
1	Dự án đầu tư nhà máy sản xuất Zeolit	Miền Bắc	50	*	2021 - 2025
2	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất LAS	Miền Trung	48	*	2021 - 2025
3	Đầu tư cơ sở sản xuất hóa mỹ phẩm cao cấp	Miền Bắc	20	*	2021 - 2025
♦ Các dự án sản xuất nhóm sản phẩm sơn và mực in					
1	Các dự án sản xuất sơn - mực in chất lượng cao	Miền Bắc miền Trung miền Nam	10 15 15	*	2021 - 2025

Ghi chú:

* Quy mô, vốn đầu tư, địa điểm xây dựng của dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư cho phù hợp với thực tế.